

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-ST  
Ngày 12/7/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy  
Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu  
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà  
Bà Phạm Thị Nguyên  
Bà Dương Thị Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

**- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Quang - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

**Vũ Đức N**, sinh năm 1993 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức V và bà Ninh Thị L; có vợ là Bùi Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 08/01/2022 đến 11/01/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. (Có mặt)

**- Người bào chữa:** Ông Trần Trung K – Luật sư Văn phòng luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

**- Bị hại:**

1. Anh Ngô Doãn S, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

3. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1933; địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

3. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn K, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

4. Ông Vũ Đức V, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Khoảng đầu tháng 11/2019, UBND xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương có chủ trương giao đất Sân vận động xã cho cá nhân cải tạo, khai thác kinh doanh sân bóng đá cỏ nhân tạo tại thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 81, đối diện UBND xã L có diện tích khoảng 9000 m<sup>2</sup>. Ngày 12/11/2019, anh Đặng Văn Q, sinh năm 1987, trú tại thôn K, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương có tờ trình và phương án đề nghị UBND xã L, thị xã K cho phép đầu tư, cải tạo, nâng cấp và sử dụng sân vận động của xã L được UBND xã L nhất trí. Sau đó anh Q giao lại mặt bằng sân vận động xã L cho Vũ Đức N thi công, cải tạo sân bóng đá cỏ nhân tạo. Trong thời gian thi công, N thấy có 03 thửa đất thuộc diện tích sân vận động chưa sử dụng, mặc dù biết chính quyền địa phương không có quy hoạch chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho nhân dân làm nhà ở nhưng N vẫn đưa ra thông tin không đúng sự thật với các anh Ngô Doãn S, sinh năm 1982; anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1983, cùng trú tại: thôn X, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương và anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982, trú tại: thôn H, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương về việc N có thể làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm nhà ở nên anh S, T1, T2 tin tưởng giao cho N tổng số tiền 1.620.000.000 đồng. Cụ thể:

Tháng 11/2019, N trao đổi với anh S về việc N đang thi công sân vận động bóng đá, được UBND xã cho phép chuyển nhượng thửa đất diện tích khoảng 140m<sup>2</sup> ở vị trí đường dẫn tại góc phía Đông Bắc của sân vận động, đối diện UBND xã L, phía Bắc tiếp giáp đường bê tông liên thôn, phía Đông tiếp giáp chợ L, phía Nam tiếp giáp với sân vận động, phía Tây tiếp giáp thửa đất bỏ không, thỏa thuận bán cho anh S với giá 1.100.000.000 đồng. Sau đó, tại nhà anh S, vào các ngày 18/11/2019, 28/11/2019, 13/12/2019, 23/12/2019, 07/01/2020 và 09/01/2020, N đã 06 lần nhận tiền trực tiếp từ anh S với tổng số tiền 1.050.000.000 đồng, N đều viết giấy biên nhận. Tháng 3/2020, N thỏa thuận

bán cho anh T2 thửa đất là lối đi từ tỉnh lộ 389 vào sân vận động, nằm ở góc phía Đông Nam của sân vận động, phía Bắc tiếp giáp bãi đất trống, phía Đông tiếp giáp đường TL389, phía Nam tiếp giáp đường bê tông, phía Tây tiếp giáp sân vận động với giá 1.100.000.000 đồng. Sau đó, tại nhà anh T2, vào ngày 06/3/2020, N đã nhận số tiền 400.000.000 đồng trực tiếp từ anh T2 đặt cọc mua thửa đất trên, N có viết giấy biên nhận. Cũng trong tháng 3/2020, N thoả thuận bán cho anh T1 thửa đất ở góc phía Tây Bắc của sân vận động, phía Đông tiếp giáp với sân vận động, phía Nam tiếp giáp với bưu điện xã L, phía Tây tiếp giáp đường bê tông liên thôn, phía Bắc tiếp giáp hiệu thuốc của anh Bùi Thanh T, với giá 800.000.000 đồng. Sau đó, tại nhà anh T1, vào ngày 05/3/2020 và ngày 07/3/2020 N đã 02 lần nhận tổng số tiền 170.000.000 đồng trực tiếp từ anh T1 đặt cọc mua thửa đất, N đều viết giấy biên nhận. Sau khi giao nhận tiền, các anh S, T2, T1 yêu cầu N làm thủ tục chuyển nhượng và giao chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng N không đề nghị cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà sử dụng tiền chi tiêu cá nhân.

Do biết các thửa đất trên không được phép chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất chuyên dùng sang đất ở nên N tìm cách làm giả giấy tờ về đất giao cho anh S, T2, T1. N truy cập mạng xã hội Facebook vào trang Facebook có tên “Nhận làm hồ sơ, giấy tờ giá rẻ”, nhắn tin hỏi làm giấy tờ giả và để lại số điện thoại 0888.338.639 của N thì người làm giấy tờ giả sử dụng số điện thoại mạng Vietnamobile gọi đến cho N để thoả thuận và thống nhất với N giá 1.200.000 đồng/tờ và yêu cầu N gửi mẫu và thông tin để làm. Sau đó, N tìm trên mạng xã hội thì thấy có biểu mẫu Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận (mẫu trắng, không có thông tin người được cấp và không có chữ ký, con dấu). N lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đến nay N không nhớ đã mượn của ai) có dấu UBND thị xã K và chữ ký của ông Bùi Xuân L - Phó chủ tịch UBND thị xã K, chụp lại mẫu dấu, chữ ký kèm mẫu phiếu và thông tin của các anh S, T2, T1 gửi cho người làm giấy tờ giả thông qua tài khoản Facebook. Một ngày sau, người làm giấy tờ giả gửi cho N xem ảnh của các tờ phiếu đã làm để xác nhận. Khoảng 02 - 03 ngày sau, N nhận được 03 tờ “PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN” có dấu chức danh của ông Bùi Xuân L - Phó chủ tịch UBND thị xã K và hình dấu tròn của UBND thị xã K, nội dung có ghi tên của các anh S, T2, T1 và hẹn ngày trả kết quả, qua hình thức chuyển phát nhanh (Ship code). N nhận 03 tờ phiếu và trả cho người giao hàng số tiền 3.600.000 đồng. Sau đó, N tự ký chữ ký của ông Bùi Xuân L lên các tờ phiếu rồi giao lại các tờ phiếu này cho các anh S, T2, T1 (bút lục số 157 -237).

Đến ngày hẹn trả kết quả ghi trong *Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận*, các anh S, T2, T1 không nhận được giấy tờ đất nên đã tìm hiểu và phát hiện UBND xã L không có quy hoạch chuyển mục đích sử

dụng các thửa đất như N cam kết nên yêu cầu N trả lại tiền. N đã trả lại cho anh S 250.000.000 đồng, trả anh T2 số tiền 200.000.000 đồng và bố đẻ N là ông Vũ Đức V đã trả cho anh S số tiền 300.000.000 đồng. Đến tháng 4/2020, do không có tiền trả và bị các anh S, T2, T1 nhiều lần đòi tiền nên N đã bỏ trốn vào các tỉnh miền Nam. Đến ngày 08/01/2022, N đã bị bắt theo Quyết định truy nã bị can số 08 ngày 13/12/2021 của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hải Dương.

**Tại Kết luận giám định số 69 ngày 30/9/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận:** Chữ ký, hình dấu chức danh đứng tên ông Bùi Xuân L - Phó chủ tịch và hình dấu tròn có nội dung UBND thị xã K trên 03 tài liệu cần giám định với chữ ký, hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra/một con dấu đóng ra.

**Tại Kết luận giám định số 17 ngày 31/3/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận:** Phần chữ viết tay trong các giấy nhận tiền và chữ ký có đề tên Vũ Đức N phía dưới trong các giấy với các tài liệu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

**Tại Kết luận giám định số 55 ngày 11/8/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận:** Chữ ký đứng tên Vũ Đức N phía dưới trong các Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận; phía dưới các giấy nhận tiền với các tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

**Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 30/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt là VKS) đã truy tố ra trước Tòa án Vũ Đức N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).**

**Tại phiên tòa:**

- Bị cáo Vũ Đức N khai nhận có cung cấp thông tin gian dối chiếm đoạt của anh S 1.050.000.000 đồng, của anh T2 400.000.000 đồng, của anh T1 170.000.000 đồng; thuê người làm giả 03 tờ “Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp Giấy chứng nhận” giao cho các anh S, T2, T1 sau đó bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền đã nhận. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái và đã trả cho anh S 550.000.000 đồng, trả cho anh T2 200.000.000 đồng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của VKS. Bị cáo khai báo thành khẩn, đã bồi thường tổng 550.000.000 đồng, được hai bị hại xin giảm nhẹ, bố bị cáo có nhiều giấy khen nên đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt tương xứng và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Bị hại – anh Ngô Doãn S và anh Hoàng Văn T1 đề nghị HĐXX buộc bị cáo tác động đến gia đình để nhanh chóng trả tiền cho bị hại và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại – anh Nguyễn Văn T2 đề nghị HĐXX buộc bị cáo tác động đến gia đình để nhanh chóng trả tiền cho bị hại, về trách nhiệm hình sự thì đề nghị giải quyết đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện VKS phát biểu lời luận tội: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: Tuyên bố Vũ Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 BLHS, xử phạt Vũ Đức N từ 12 năm đến 12 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt từ 14 năm 6 tháng đến 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/01/2022. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Vũ Đức N trả cho anh S 500.000.000 đồng, trả cho anh T2 200.000.000 đồng, trả cho anh T1 170.000.000 đồng. Về án phí: Vũ Đức N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

**[2] Về hành vi:** Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020, Vũ Đức N đưa ra thông tin gian dối về việc N có thể làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm cho các bị hại tin tưởng giao cho N tổng số tiền 1.620.000.000 đồng để đặt cọc mua đất và bị N chiếm đoạt. Trong đó: của anh Ngô Doãn S 1.050.000đ, anh T2 400.000.000 đồng, anh T1 170.000.000 đồng. Sau đó, do nhiều lần bị các anh S, T2, T1 yêu cầu làm thủ tục và giao giấy tờ đất, N đã thông qua mạng xã hội Facebook tìm và thuê người làm giả 03 tờ “PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN” có dấu chức danh của ông Bùi Xuân L - Phó chủ tịch UBND thị xã K và hình dấu tròn của UBND thị

xã K, N ký giả chữ ký của ông Bùi Xuân L vào 03 tờ phiếu rồi giao các anh S, anh T2 và anh T1, sau đó bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền đã nhận.

**[3] Về tội danh:** Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cung cấp thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản; làm giả con dấu, tài liệu và sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS. Do đó VKS tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

**[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo nhiều lần nhận và chiếm đoạt tiền của các bị hại, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bố đẽ được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen trong quá trình công tác nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã trả một phần số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

**[5] Về hình phạt chính:** Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, vì để có tiền tiêu xài mà lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người, làm giả con dấu, tài liệu và sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo phạm tội nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt.

**[6] Về hình phạt bổ sung:** Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**[7] Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo chiếm đoạt của anh S 1.050.000.000 đồng, đã trả 550.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh T2 400.000.000 đồng, đã trả 200.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh T1 170.000.000 đồng chưa trả. Các bị hại đều yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại nên căn cứ Điều 48 BLHS, cần buộc bị cáo trả cho anh S 500.000.000 đồng, trả cho anh T2 200.000.000 đồng, trả cho anh T1 170.000.000 đồng. Đối với số tiền 300.000.000 đồng ông Vũ Đức V (bố đẽ bị cáo) thay bị cáo trả cho anh S, ông V không có yêu cầu bị cáo phải trả số

tiền này nên HĐXX không giải quyết và xác định ông V tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người người làm chứng.

**[8] Về vật chứng:** 03 “Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận”, 08 giấy nhận tiền, 01 quyển sổ bìa da màu đen là chứng cứ chứng minh tội phạm cần lưu hồ sơ vụ án.

**[9] Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

**[10] Nội dung khác:** Đối với người trực tiếp làm và bán các tài liệu giả cho N, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương ra Quyết định tách vụ án hình sự số 03 ngày 16/5/2022 về tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Ngày 16/5/2022, VKS tỉnh Hải Dương ra quyết định số 58, chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K để điều tra theo thẩm quyền là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về điều luật:** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với hai tội); điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm b khoản 1 Điều 51 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

**2. Về tội danh:** Tuyên bố Vũ Đức N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

**3. Về hình phạt:** Xử phạt Vũ Đức N 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù cho cả hai tội, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/01/2022.

**4. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS 2015; Điều 357, khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc Vũ Đức N trả cho anh Ngô Doãn S 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); trả cho anh Hoàng Văn T1 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); trả cho anh Nguyễn Văn T2 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**5. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Đức N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 38.100.000 đồng (ba mươi tám triệu một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo :** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Văn phòng CQCSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo (Trại);
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu Tòa; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Bùi Đăng Huy**